TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnhphúc**

Bản án số: **12/**2024/DSST
Ngày 24/4/2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**
2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam** - Kiểm Sát viên.

Vào ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 294/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **H**, sinh năm 1980
Địa chỉ: Tổ 6, ấp HN, xã M, huyện CT, tỉnh KG
- Bị đơn: Bà **S**, sinh năm 1980
Địa chỉ: Tổ 6, ấp HN, xã M, huyện CT, tỉnh KG.

(Các đương sự có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà H trình bày:***

Nguyên bà H có tham gia chơi hụi do bà S làm chủ hụi, hụi ngày, áp vào ngày 19/6/2020 âm lịch, gồm có 520 chân, bà H tham gia 10 chân, đã hốt 5 chân, bà đóng được 513/520 lần thì bà S nói bể hụi và viết giấy nợ cho bà với số tiền là 48.500.000 đồng và bà S hứa mỗi tháng trả cho bà 2.000.000 đồng nhưng sau khi viết giấy nợ cho đến nay thì bà S không trả cho bà được đồng nào. Sau đó bà H có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành, do đó bà H khởi kiện. Bà H xác

định rằng bà chỉ khởi kiện yêu cầu bà S có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi nêu trên cho bà, bà không yêu cầu ai khác có trách nhiệm trả tiền nợ hụi cho bà.

Tại phiên toà, bà H yêu cầu: Buộc bà S phải trả cho bà số tiền nợ hụi là 48.500.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) trong một lần hoặc chia làm hai lần trả, mỗi lần cách nhau 03 tháng. Bà H không đồng ý cho chị S trả dần số tiền trên với số tiền 1.000.000đ/tháng.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà S trình bày:***

Bà S thừa nhận bà có làm chủ dây hụi áp ngày 19/6/2020 âm lịch, hụi gồm 520 chân, bà H tham gia 10 chân, đã hốt 5 chân và bà H đóng được 513 lần/520 lần thì bà tuyên bố bể hụi. Bà thừa nhận bà còn nợ bà H số tiền hụi tổng cộng là 48.500.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng). Nay do hoàn cảnh kinh tế gia đình bà khó khăn và bà vẫn còn nợ nhiều hụi viên trong dây hụi khác nên hàng tháng bà phải trả dần cho các hụi viên, do đó bà xin được trả dần số tiền nêu trên cho bà H với số tiền 1.000.000đ/tháng, bà không có khả năng trả số tiền trên theo như thời gian như bà H yêu cầu.

Tại phiên toà, bà S: Bà đồng ý bà còn nợ bà H số tiền hụi là 48.500.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng xin được trả dần số tiền nêu trên cho bà H với số tiền 1.000.000đ/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H. Buộc bị đơn bà S có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 48.500.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) trong một lần. Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn bà S phải trả cho bà H số tiền hụi còn nợ là 48.500.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) nên đây là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi"*. Bị đơn bà S có hộ khẩu thường trú tại ấp HN, xã M, huyện CT, tỉnh KG nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Bà H yêu cầu buộc bà S trả trong một lần cho bà H số tiền hụi còn nợ là 48.500.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của bà H: Mặc dù khi tham gia chơi hụi các bên không lập danh sách hụi viên, không giấy biên nhận giao tiền hụi, không thể hiện hốt được bao nhiêu tiền, đóng hụi được bao nhiêu tiền nhưng việc tham gia chơi hụi là sự tự nguyện của hai bên. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà cả bà H và bà S đều xác định bà S còn nợ bà H số tiền hụi là 48.500.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng), bà S cũng thừa nhận còn nợ tiền hụi bà H là 48.500.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) như bà H trình bày.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định việc bà S còn nợ tiền hụi của bà H với số tiền là 48.500.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng). Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết buộc bà S phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền hụi 48.500.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tiền lãi: Do bà H không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà H được chấp nhận nên buộc bà S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.

Buộc bị đơn bà S phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn H số tiền còn nợ là 48.500.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) trong một lần.

Địa điểm giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà S không trả dứt điểm số tiền nêu trên cho bà H thì hàng tháng bà S còn phải trả cho bà H thêm một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà S phải chịu án phí với số tiền là 2.425.000 (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Nguyên đơn bà H không phải chịu án phí; bà H được nhận lại 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001197 ngày 06/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Danh Phạm Ngọc Khánh